

**DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HK2/2019-2020 QUA TK NGÂN HÀNG**  
**Hệ Nghiên cứu sinh**

TT	Mã SV	Họ và tên	Mã khoa	Mã lớp	Nợ từ các kỳ trước	Phải nộp K2/19-20	Tổng phải nộp	Ghi chú
		<b>K21 NCS</b>						
1	14028019	Lương Thanh Nhân	K14SDHNS	K21NCS	0	13,250,000	13,250,000	
2	14028020	Lê Hoàng Quỳnh	K14SDHNS	K21NCS	0	13,250,000	13,250,000	
3	14028024	Lương Xuân Trường	K14SDHNS	K21NCS	0	13,250,000	13,250,000	
4	14028025	Nguyễn Ngọc Vũ	K14SDHNS	K21NCS	0	13,250,000	13,250,000	
		<b>K22 NCS</b>						
5	15028001	Nguyễn Minh Tân	K15SDHNS	K22NCS	1,250,000	13,250,000	14,500,000	
6	15028002	Trần Đình Vương	K15SDHNS	K22NCS	48,125,000	13,250,000	61,375,000	
7	15028003	Trần Hoàng Việt	K15SDHNS	K22NCS	0	13,250,000	13,250,000	
8	15028004	Nguyễn Ngọc Tân	K15SDHNS	K22NCS	13,250,000	13,250,000	26,500,000	
9	15028005	Nguyễn Thị Kim Oanh	K15SDHNS	K22NCS	25,250,000	13,250,000	38,500,000	
10	15028007	Vũ Nguyễn Thức	K15SDHNS	K22NCS	0	13,250,000	13,250,000	
11	15028008	Phạm Thanh Huyền	K15SDHNS	K22NCS	25,250,000	13,250,000	38,500,000	
12	15028009	Phạm Văn Hà	K15SDHNS	K22NCS	0	13,250,000	13,250,000	
13	15028010	Nguyễn Thanh Thụy	K15SDHNS	K22NCS	51,800,000	13,250,000	65,050,000	
14	15028012	Nguyễn Ngọc Khương	K15SDHNS	K22NCS	30,050,000	13,250,000	43,300,000	
15	15028014	Phạm Thanh Tùng	K15SDHNS	K22NCS	3,510,000	13,250,000	16,760,000	
16	15028015	Trần Tuấn Vinh	K15SDHNS	K22NCS	0	13,250,000	13,250,000	
17	15028016	Lê Bá Cường	K15SDHNS	K22NCS	30,050,000	13,250,000	43,300,000	
18	15028017	Nguyễn Ngọc Khải	K15SDHNS	K22NCS	0	13,250,000	13,250,000	
19	15028018	Nguyễn Hạnh Phúc	K15SDHNS	K22NCS	30,050,000	13,250,000	43,300,000	
20	15028021	Bùi Anh Tú	K15SDHNS	K22NCS	13,560,000	13,250,000	26,810,000	
21	15028022	Quách Xuân Trường	K15SDHNS	K22NCS	0	13,250,000	13,250,000	
22	15028023	Kiều Minh Việt	K15SDHNS	K22NCS	30,050,000	13,250,000	43,300,000	
23	15028024	Giản Quốc Anh	K15SDHNS	K22NCS	13,250,000	13,250,000	26,500,000	
24	15028025	Trần Huy Toàn	K15SDHNS	K22NCS	30,050,000	13,250,000	43,300,000	
25	15028026	Vũ Quốc Tuấn	K15SDHNS	K22NCS	0	13,250,000	13,250,000	
26	15028028	Nguyễn Thanh Hải	K15SDHNS	K22NCS	30,050,000	13,250,000	43,300,000	
		<b>K23 NCS</b>						
27	16028001	Nguyễn Thị Chăm	K16SDHNS	K23NCS	13,250,000	13,250,000	26,500,000	
28	16028002	Phạm Tuấn Dũng	K16SDHNS	K23NCS	0	13,250,000	13,250,000	
29	16028005	Ngô Chí Nguyễn	K16SDHNS	K23NCS	48,125,000	13,250,000	61,375,000	
30	16028006	Bùi Văn Tân	K16SDHNS	K23NCS	0	13,250,000	13,250,000	
31	16028007	Ngô Thị Vinh	K16SDHNS	K23NCS	0	13,250,000	13,250,000	
32	16028009	Nguyễn Thị Hạnh	K16SDHNS	K23NCS	0	13,250,000	13,250,000	
33	16028010	Nguyễn Thị Hồng Loan	K16SDHNS	K23NCS	13,250,000	13,250,000	26,500,000	
34	16028012	Nguyễn Đức Sử	K16SDHNS	K23NCS	13,250,000	13,250,000	26,500,000	
35	16028013	Nguyễn Văn Đức	K16SDHNS	K23NCS	37,250,000	13,250,000	50,500,000	
36	16028014	Phùng Công Phi Khanh	K16SDHNS	K23NCS	13,250,000	13,250,000	26,500,000	
37	16028015	Đông Phạm Hoài	K16SDHNS	K23NCS	0	13,250,000	13,250,000	
38	16028017	Kiều Thanh Bình	K16SDHNS	K23NCS	0	13,250,000	13,250,000	

39	16028019	Mai Mạnh Trùng	K16SDHNS	K23NCS	0	13,250,000	13,250,000	
40	16028020	Đỗ Nam	K16SDHNS	K23NCS	0	13,250,000	13,250,000	
41	16028021	Trần Sỹ Trọng Khanh	K16SDHNS	K23NCS	0	13,250,000	13,250,000	
		<b>K24 NCS</b>						
42	17028001	Nguyễn Dương Hùng	K17SDHNS	K24NCS	0	13,250,000	13,250,000	
43	17028002	Nguyễn Văn Thắm	K17SDHNS	K24NCS	13,250,000	13,250,000	26,500,000	
44	17028003	Nguyễn Thọ Thông	K17SDHNS	K24NCS	0	13,250,000	13,250,000	
45	17028004	Nguyễn Thị Hồng Nhung	K17SDHNS	K24NCS	13,250,000	13,250,000	26,500,000	
46	17028005	Trần Nguyên Hương	K17SDHNS	K24NCS	0	13,250,000	13,250,000	
47	17028006	Trần Văn Mạnh	K17SDHNS	K24NCS	13,250,000	13,250,000	26,500,000	
48	17028007	Nguyễn Thị Thùy Liên	K17SDHNS	K24NCS	0	13,250,000	13,250,000	
49	17028008	Bùi Thị Hà	K17SDHNS	K24NCS	0	13,250,000	13,250,000	
50	17028009	Lê Văn Luân	K17SDHNS	K24NCS	37,250,000	13,250,000	50,500,000	
51	17028010	Vũ Xuân Mạnh	K17SDHNS	K24NCS	37,250,000	13,250,000	50,500,000	
52	17028011	Phạm Văn Thành	K17SDHNS	K24NCS	13,250,000	13,250,000	26,500,000	
53	17028012	Dương Thị Hằng	K17SDHNS	K24NCS	0	13,250,000	13,250,000	
54	17028013	Nguyễn Đình Dư	K17SDHNS	K24NCS	0	13,250,000	13,250,000	
55	17028014	Hoàng Văn Mạnh	K17SDHNS	K24NCS	13,250,000	13,250,000	26,500,000	
56	17028015	Phạm Minh Phúc	K17SDHNS	K24NCS	0	13,250,000	13,250,000	
57	17028016	Nguyễn Văn Thành	K17SDHNS	K24NCS	0	13,250,000	13,250,000	
58	17028017	Phan Nguyễn Đức Dược	K17SDHNS	K24NCS	48,125,000	13,250,000	61,375,000	
59	17028018	Phan Hải	K17SDHNS	K24NCS	13,250,000	13,250,000	26,500,000	
60	17028019	Trần Văn Hậu	K17SDHNS	K24NCS	25,250,000	13,250,000	38,500,000	
61	17028020	Hồ Anh Tâm	K17SDHNS	K24NCS	25,250,000	13,250,000	38,500,000	
62	17028021	Nguyễn Thị Khánh Vân	K17SDHNS	K24NCS	0	13,250,000	13,250,000	
63	17028022	Nguyễn Duy Anh	K17SDHNS	K24NCS	0	13,250,000	13,250,000	
64	17028023	Đình Văn Nam	K17SDHNS	K24NCS	13,250,000	13,250,000	26,500,000	
65	17028024	Mai Đức Thọ	K17SDHNS	K24NCS	25,250,000	13,250,000	38,500,000	
66	17028025	Phí Công Huy	K17SDHNS	K24NCS	13,250,000	13,250,000	26,500,000	
67	17028026	Đỗ Huy Điệp	K17SDHNS	K24NCS	0	13,250,000	13,250,000	
		<b>K25 NCS</b>						
68	18028001	Nguyễn Minh Hải	K18SDHNS	K25KHMT	0	13,250,000	13,250,000	
69	18028002	Vũ Minh Mạnh	K18SDHNS	K25KHMT	13,250,000	13,250,000	26,500,000	
70	18028003	Lê Kim Thư	K18SDHNS	K25KHMT	13,070,000	13,250,000	26,320,000	
71	18028004	Phạm Hữu Tùng	K18SDHNS	K2MMT&TTDL	25,070,000	13,250,000	38,320,000	
72	18028005	Lưu Việt Hưng	K18SDHNS	K25NCS	25,250,000	13,250,000	38,500,000	
73	18028006	Phạm Đình Nguyên	K18SDHNS	K25NCS	0	13,250,000	13,250,000	
74	18028007	Nguyễn Thị Dung	K18SDHNS	K25NCS	25,250,000	13,250,000	38,500,000	
		<b>K26 NCS</b>						
75	19028001	Vương Thị Hải Yến	K19SDHNS	K26NCS	0	13,250,000	13,250,000	
76	19028003	Bùi Minh Tuấn	K19SDHNS	K26NCS	0	13,250,000	13,250,000	
77	19028004	Bùi Thanh Hương	K19SDHNS	K26NCS	0	13,250,000	13,250,000	
78	19028005	Trần Việt Khoa	K19SDHNS	K26NCS	0	13,250,000	13,250,000	
79	19028006	Lê Việt Hà	K19SDHNS	K26NCS	1,170,000	13,250,000	14,420,000	
80	19028007	Nguyễn Đức Anh	K19SDHNS	K26NCS	0	13,250,000	13,250,000	
81	19028008	Nguyễn Quang Trung	K19SDHNS	K26NCS	0	13,250,000	13,250,000	
82	19028009	Đào Mạnh Hiệp	K19SDHNS	K26NCS	0	13,250,000	13,250,000	
83	19028010	Mai Thị Ngọc ánh	K19SDHNS	K26NCS	0	13,250,000	13,250,000	